

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN KRÔNG PẮC
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 16/2020/DS-ST

Ngày: 07/8/2020.

V/v: “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KRÔNG PẮC, TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Phạm Hồng Trường.

- *Các hội thẩm nhân dân:*

1/. Ông Ngô Văn Tuyên.

2/. Ông Trần Phúc Nam.

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Nông Thị Lương.

Là: Thư ký Tòa án nhân dân huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện K tham gia phiên tòa:*

Bà Nguyễn Thùy Nguyên. Chức vụ: Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 8 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 09/2020/TLST-DS, ngày 06 tháng 01 năm 2020. Về việc: “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 14/2020/QĐXXST- DS, ngày 01 tháng 7 năm 2020 và theo quyết định hoãn phiên tòa số 13/2020/QĐST-DS, ngày 20 tháng 7 năm 2020.

Giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng N.

Địa chỉ: Số 18 đường D, quận T, thành phố Hà Nội.

1.1 Người đại diện theo pháp luật của nguyên đơn: Ông Trịnh Ngọc K.

Chức vụ: Chủ tịch hội đồng quản trị.

1.2 Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Võ Đình T.

Chức vụ: Giám đốc Ngân hàng N, chi nhánh huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

Địa chỉ: Số 334B, đường G, thị trấn P, huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

(Theo quyết định về việc ủy quyền, nghĩa vụ tố tụng và thi hành án số 510/QĐ-HĐTV-PC, ngày 19/6/2014 của chủ tịch hội đồng thành viên Ngân hàng N).

1.3 Người được ủy quyền lại tham gia tố tụng của nguyên đơn: Ông Trần Đình C.

Chức vụ: Giám đốc Ngân hàng N, chi nhánh huyện K, phòng giao dịch T.

Địa chỉ: Thôn 2, xã T, huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

Theo giấy ủy quyền số 600/QĐ-NHNo-KP, ngày 25/12/2019 của Giám đốc Ngân hàng N, chi nhánh huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk. (Ông C có mặt tại phiên tòa)

2. Bị đơn: Bà Nguyễn Thị L. Sinh năm: 1963
Trú tại: Thôn 7, xã V, huyện K, tỉnh Đắk Lắk. (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 25/12/2019 của nguyên đơn Ngân hàng N, tại bản tự khai ngày 25/02/2020, trong quá trình hòa giải và tại phiên tòa hôm nay người được ủy quyền lại tham gia tố tụng của nguyên đơn Ngân hàng N là ông Trần Đình C trình bày:

Vào ngày 23/02/2017 bà Nguyễn Thị L có đến Ngân hàng N, chi nhánh huyện K, phòng giao dịch T để đặt vấn đề vay số tiền 150.000.000 đồng (Một trăm năm mươi triệu đồng). Mục đích vay là để về đầu tư vốn sửa nhà, làm công trình phụ và mua sắm vật dụng gia đình. Ngân hàng đã đồng ý cho bà Nguyễn Thị L vay số tiền nói trên, khi vay hai bên có xác lập hợp đồng tín dụng số 5203LAV201702038, có chữ viết và chữ ký xác nhận của bà Nguyễn Thị L. Hai bên thỏa thuận lãi suất vay trong hạn là 12%/1 năm, lãi suất quá hạn bằng 150% đối với lãi suất vay trong hạn. Thời hạn vay là 60 tháng kể từ ngày vay 23/02/2017 đến ngày 23/02/2022, phương thức trả lãi theo kỳ gốc, thời hạn trả cuối cùng vào ngày 23/02/2022. Được chia làm 05 kỳ trả nợ cụ thể như sau:

Kỳ thứ nhất: Ngày 23/02/2018 trả số tiền 30.000.000 đồng.

Kỳ thứ hai: Ngày 23/02/2019 trả số tiền 30.000.000 đồng.

Kỳ thứ ba: Ngày 23/02/2020 trả số tiền 30.000.000 đồng.

Kỳ thứ tư: Ngày 23/02/2021 trả số tiền 30.000.000 đồng.

Kỳ thứ năm: Ngày 23/02/2022 trả số tiền 30.000.000 đồng.

Để đảm bảo cho khoản tiền vay nói trên bà Nguyễn Thị L đã đồng ý thế chấp cho Ngân hàng 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BĐ 263094, thửa đất số 216, tờ bản đồ số 141, diện tích sử dụng 1.194,2m², trong đó có 400m² đất ở tại nông thôn và 794,2m² đất trồng cây lâu năm. Do UBND huyện K, tỉnh Đắk Lắk cấp ngày 01/11/2013 mang tên bà Nguyễn Thị L. Địa chỉ thửa đất: Tại thôn 7, xã V, huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

Tài sản gắn liền với đất là 01 nhà xây cấp 4, diện tích sử dụng 100m².

Về thủ tục đăng ký thế chấp giao dịch bảo đảm đối với quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất: Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 240365794/HĐTC, ngày 14/01/2016 đã ký giữa bên thế chấp bà Nguyễn Thị L với bên nhận thế chấp Ngân hàng N, chi nhánh huyện K, phòng giao dịch T được Công chứng tại văn phòng công chứng T, tỉnh Đắk Lắk vào ngày 14/01/2016 và được chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện K ký xác nhận đơn yêu cầu đăng ký thế chấp quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất vào ngày 15/01/2016.

Sau khi bà Nguyễn Thị L vay của Ngân hàng N, chi nhánh huyện K, phòng giao dịch T số tiền 150.000.000 đồng cho đến nay mặc dù Ngân hàng đã nhiều lần đôn đốc, nhắc nhở và đã áp dụng biện pháp xử lý tài sản thế chấp bằng văn bản để yêu cầu bà L phải có trách nhiệm hoàn trả cho Ngân hàng số tiền vay gốc và tiền lãi suất phát sinh theo hợp đồng tín dụng nhưng bà L vẫn không hoàn trả cho Ngân hàng được bất kỳ số tiền nào, đã làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp đối với Ngân hàng.

Nguyện vọng: Tôi yêu cầu Hội đồng xét xử xem xét và giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật để buộc bà Nguyễn Thị L phải có trách nhiệm hoàn trả cho Ngân hàng N tổng số tiền vay gốc và tiền lãi suất phát sinh theo hợp đồng tín dụng tạm tính đến ngày xét xử sơ thẩm 07/8/2020 là 221.065.000 đồng (Hai trăm hai mươi một triệu không trăm sáu mươi lăm nghìn đồng). Trong đó tiền vay gốc còn nợ là 150.000.000 đồng, tiền lãi suất phát sinh là 71.065.000 đồng (Lãi suất trong hạn 63.100.000 đồng, lãi suất quá hạn 7.965.000 đồng).

Ngoài ra tôi yêu cầu Hội đồng xét xử tuyên buộc bà Nguyễn Thị L phải có trách nhiệm hoàn trả cho Ngân hàng N toàn bộ số tiền lãi suất phát sinh trên số nợ gốc tính từ ngày 08/8/2020 cho đến khi bà Nguyễn Thị L trả hết nợ cho Ngân hàng theo hợp đồng tín dụng số 5203LAV201702038, ngày 23/02/2017. Đồng thời tôi yêu cầu Tòa án xem xét để xử lý tài sản thế chấp của bà Nguyễn Thị L theo quy định của pháp luật. Ngoài ra, tôi không có ý kiến hay yêu cầu gì thêm.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ thông báo về việc thụ lý vụ án cho nguyên đơn, bị đơn và triệu tập các bên đương sự đến Tòa án để tham gia tố tụng và đã tiến hành tổng đạt hợp lệ thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải và Thông báo hoãn phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải. Để nguyên đơn, bị đơn đến Tòa án tham gia tố tụng, nhưng bị đơn bà Nguyễn Thị L vẫn không đến Tòa án để tham gia tố tụng. Vì vậy Tòa án tiến hành mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải vắng mặt bị đơn bà Nguyễn Thị L. Căn cứ vào Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk đưa vụ án ra xét xử theo quy định của pháp luật.

Ngày 20/7/2020, Tòa án nhân dân huyện Krông Pắc mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án. Tuy nhiên, bị đơn bà Nguyễn Thị L vắng mặt không có lý do. Căn cứ khoản 1 Điều 227, Điều 233 và Điều 235 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử ra quyết định hoãn phiên tòa.

Tại phiên tòa hôm nay, người được ủy quyền lại tham gia tố tụng của nguyên đơn Ngân hàng N là ông Trần Đình C vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng N.

Bị đơn bà Nguyễn Thị L vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký đã thực hiện đúng và đầy đủ các chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Trong quá trình giải quyết

vụ án người được ủy quyền lại tham gia tổ tụng của nguyên đơn đã thực hiện đúng và đầy đủ các quyền và nghĩa vụ theo quy định tại các Điều 70 và Điều 71 Bộ luật tố tụng dân sự, bị đơn bà Nguyễn Thị L chưa thực hiện đầy các quyền và nghĩa vụ theo quy định tại các Điều 70 và Điều 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Ý kiến của Kiểm sát viên về việc giải quyết vụ án: Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 317, Điều 318, Điều 323, Điều 463, Điều 466 và Điều 468 Bộ luật dân sự; Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010; Khoản 1 Điều 58 Nghị định số 163/2006/NĐ-CP, ngày 29/12/2006 của Chính phủ về giao dịch bảo đảm và Nghị định số 102/2017/NĐ-CP, ngày 01/9/2017 của Chính phủ về đăng ký biện pháp bảo đảm. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam. Buộc bà Nguyễn Thị L phải có nghĩa vụ hoàn trả cho Ngân hàng N số tiền vay gốc là 150.000.000 đồng và khoản tiền lãi suất phát sinh theo hợp đồng tín dụng số 5203LAV201702038, ngày 23/02/2017.

Trường hợp bà L không trả nợ hoặc trả nợ không đầy đủ cho Ngân hàng N thì Ngân hàng N có quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền phát mãi tài sản thế chấp để thu hồi nợ. Theo hợp đồng tín dụng 5203LAV201702038, ngày 23/02/2017 và theo hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 240365794/HĐTC, ngày 14/01/2016.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

- Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Đơn khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng N đề ngày 25/12/2019, Tòa án nhân dân huyện Krông Pắc xác định quan hệ pháp luật là “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”, được quy định tại Điều 463 Bộ luật dân sự. Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 và Điều 195 Bộ luật tố tụng dân sự thì Tòa án nhân dân huyện Krông Pắc thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền.

- Về thời hiệu khởi kiện: Đơn khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng N đề ngày 25/12/2019 là còn trong thời hiệu khởi kiện, quy định tại Điều 184 Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 429 Bộ luật dân sự.

- Về thủ tục tố tụng: Tòa án nhân dân huyện Krông Pắc đã tổng đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 14/2020/QĐXXST-DS, ngày 01 tháng 7 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 13/2020/QĐST-DS, ngày 20 tháng 7 năm 2020 cho bị đơn bà Nguyễn Thị L. Tuy nhiên, tại phiên tòa hôm nay bà L vắng mặt lần thứ hai không có lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt đối với bị đơn bà Nguyễn Thị L.

- Xét nội dung đơn khởi kiện: Người được ủy quyền lại tham gia tố tụng của nguyên đơn Ngân hàng N là ông Trần Đình C yêu cầu Hội đồng xét xử xem xét và giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật để buộc bà Nguyễn Thị L phải có trách nhiệm hoàn trả cho Ngân hàng N tổng số tiền vay gốc và tiền lãi suất phát sinh tính đến ngày xét xử sơ thẩm hôm nay 07/8/2020 là 221.065.000 đồng (Hai trăm hai mươi một triệu không trăm sáu mươi lăm nghìn đồng). Trong đó tiền vay gốc còn nợ là 150.000.000 đồng, tiền lãi suất phát sinh là 71.065.000 đồng (Lãi suất trong hạn 63.100.000 đồng, lãi suất quá hạn 7.965.000 đồng).

Ngoài ra ông C yêu cầu Hội đồng xét xử xem xét và giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật để buộc bà Nguyễn Thị L còn phải có trách nhiệm hoàn trả cho Ngân hàng N toàn bộ số tiền lãi suất phát sinh trên số nợ gốc tính từ ngày 08/8/2020 cho đến khi bà Nguyễn Thị L trả hết nợ cho Ngân hàng theo hợp đồng tín dụng số 5203LAV201702038, ngày 23/02/2017. Đồng thời ông C yêu cầu Hội đồng xét xử xem xét để xử lý tài sản thế chấp của bà Nguyễn Thị L theo quy định của pháp luật.

Xét thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng N là hoàn toàn có cơ sở pháp lý. Vì thực tế, vào ngày 23/02/2017 bà Nguyễn Thị L có đến Ngân hàng N, chi nhánh huyện K, phòng giao dịch T ký hợp đồng tín dụng số 5203LAV201702038 để vay số tiền 150.000.000 đồng. Mục đích vay là để về đầu tư vốn sửa nhà, làm công trình phụ và mua sắm vật dụng gia đình. Hai bên thỏa thuận lãi suất vay trong hạn là 12%/1 năm, lãi suất quá hạn bằng 150% đối với lãi suất vay trong hạn. Thời hạn vay là 60 tháng kể từ ngày vay 23/02/2017 đến ngày 23/02/2022. Ngoài ra hai bên còn thỏa thuận thời hạn trả nợ gốc và lãi suất phát sinh 05 kỳ như đã nêu trên.

Việc giao kết hợp đồng giữa các bên đương sự là hoàn toàn tự nguyện, hình thức và nội dung hợp đồng đúng theo quy định của pháp luật. Kể từ khi bà L vay của Ngân hàng N số tiền 150.000.000 đồng cho đến nay chưa hoàn trả được cho Ngân hàng bất kỳ số tiền nào, kể cả tiền gốc và tiền lãi suất phát sinh. Như vậy bà L đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ của bên vay theo quy định tại khoản 1 Điều 466 Bộ luật dân sự.

Tại khoản 1 Điều 466 Bộ luật dân sự quy định:

“Bên vay tài sản là tiền thì phải trả đủ tiền khi đến hạn; nếu tài sản là vật thì phải trả vật cùng loại đúng số lượng, chất lượng, trừ trường hợp có thỏa thuận khác”.

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 184, Điều 195, Điều 203, Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 233 và Điều 235 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 298, Điều 299, Điều 317, Điều 318, Điều 319, Điều 323, Điều 429, Điều 463, khoản 1 Điều 466 và khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự; Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010; Điều 188 Luật đất đai năm 2013; Khoản 1 Điều 58 Nghị định 163/2006/NĐ-CP, ngày 29/12/2006 của Chính phủ về

giao dịch bảo đảm và Nghị định số 102/2017/NĐ-CP, ngày 01/9/2017 của Chính phủ về đăng ký biện pháp bảo đảm.

Hội đồng xét xử buộc bà Nguyễn Thị L phải có trách nhiệm hoàn trả cho Ngân hàng N tổng số tiền vay gốc và tiền lãi suất phát sinh tính đến ngày xét xử sơ thẩm 07/8/2020 là 221.065.000 đồng (Hai trăm hai mươi một triệu không trăm sáu mươi lăm nghìn đồng). Trong đó tiền vay gốc còn nợ là 150.000.000 đồng, tiền lãi suất phát sinh là 71.065.000 đồng (Lãi suất trong hạn 63.100.000 đồng, lãi suất quá hạn 7.965.000 đồng).

Bà Nguyễn Thị L còn phải có trách nhiệm hoàn trả cho Ngân hàng N khoản tiền lãi suất phát sinh kể từ ngày 08/8/2020 cho đến khi trả hết nợ cho Ngân hàng N theo hợp đồng tín dụng số 5203LAV201702038, ngày 23/02/2017.

Trong trường hợp bà L thực hiện xong nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng N thì Ngân hàng N phải có trách nhiệm hoàn trả cho bà L toàn bộ tài sản đã thế chấp theo hợp đồng tín dụng 5203LAV201702038, ngày 23/02/2017 và hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 240365794/HĐTC, ngày 14/01/2016. Tài sản thế chấp gồm có:

- 01 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và tài sản khác gắn liền với đất số BĐ 263094, thửa đất số 216, tờ bản đồ số 141, diện tích sử dụng 1.194,2m², trong đó có 400m² đất ở tại nông thôn và 794,2m² đất trồng cây lâu năm. Do UBND huyện K, tỉnh Đắk Lắk cấp ngày 01/11/2013 mang tên bà Nguyễn Thị L. Địa chỉ thửa đất: Tại thôn 7, xã V, huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

Trong trường hợp bà L không trả nợ hoặc trả nợ không đầy đủ cho Ngân hàng N thì Ngân hàng N có quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền phát mãi toàn bộ tài sản thế chấp để thu hồi nợ, theo hợp đồng tín dụng 5203LAV201702038, ngày 23/02/2017 và hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 240365794/HĐTC, ngày 14/01/2016. Tài sản thế chấp gồm có:

- 01 Quyền sử dụng đất và tài sản khác gắn liền với đất, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BĐ 263094, tại thửa đất số 216, tờ bản đồ số 141, diện tích sử dụng 1.194,2m², trong đó có 400m² đất ở tại nông thôn và 794,2m² đất trồng cây lâu năm. Do UBND huyện K, tỉnh Đắk Lắk cấp ngày 01/11/2013 mang tên bà Nguyễn Thị L. Địa chỉ thửa đất: Tại thôn 7, xã V, huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

- Về án phí: Các đương sự phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Xét quan điểm và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk tại phiên tòa là có căn cứ, đúng pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ quan điểm của Viện kiểm sát.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 184, Điều 195, Điều 203, Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 233 và Điều 235 Bộ luật tố tụng dân sự.
- Căn cứ vào các Điều 298, Điều 299, Điều 317, Điều 318, Điều 319, Điều 323, Điều 429, Điều 463, khoản 1 Điều 466 và khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự.
- Căn cứ Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010.
- Căn cứ Điều 188 Luật đất đai năm 2013.
- Căn cứ khoản 1 Điều 58 Nghị định số 163/2006/NĐ-CP, ngày 29/12/2006 của Chính phủ về giao dịch bảo đảm và Nghị định số 102/2017/NĐ-CP, ngày 01/9/2017 của Chính phủ về đăng ký biện pháp bảo đảm.

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng N.

Buộc bà Nguyễn Thị L phải có trách nhiệm hoàn trả cho Ngân hàng N tổng số tiền vay gốc và tiền lãi suất phát sinh tính đến ngày xét xử sơ thẩm 07/8/2020 là 221.065.000 đồng (Hai trăm hai mươi một triệu không trăm sáu mươi lăm nghìn đồng). Trong đó tiền vay gốc còn nợ là 150.000.000 đồng, tiền lãi suất phát sinh là 71.065.000 đồng (Lãi suất trong hạn 63.100.000 đồng, lãi suất quá hạn 7.965.000 đồng).

Bà Nguyễn Thị L còn phải có trách nhiệm hoàn trả cho Ngân hàng N khoản tiền lãi suất phát sinh kể từ ngày 08/8/2020 cho đến khi trả hết nợ cho Ngân hàng N theo hợp đồng tín dụng số 5203LAV201702038, ngày 23/02/2017.

Trong trường hợp bà L thực hiện xong nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng N thì Ngân hàng N phải có trách nhiệm hoàn trả cho bà L toàn bộ tài sản đã thế chấp theo hợp đồng tín dụng 5203LAV201702038, ngày 23/02/2017 và hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 240365794/HĐTC, ngày 14/01/2016. Tài sản thế chấp gồm có:

- 01 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và tài sản khác gắn liền với đất số BĐ 263094, thửa đất số 216, tờ bản đồ số 141, diện tích sử dụng 1.194,2m², trong đó có 400m² đất ở tại nông thôn và 794,2m² đất trồng cây lâu năm. Do UBND huyện K, tỉnh Đắk Lắk cấp ngày 01/11/2013 mang tên bà Nguyễn Thị L. Địa chỉ thửa đất: Tại thôn 7, xã V, huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

Trong trường hợp bà L không trả nợ hoặc trả nợ không đầy đủ cho Ngân hàng N thì Ngân hàng N có quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền phát mãi toàn bộ tài sản thế chấp để thu hồi nợ, theo hợp đồng tín dụng 5203LAV201702038, ngày 23/02/2017 và hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 240365794/HĐTC, ngày 14/01/2016. Tài sản thế chấp gồm có:

- 01 Quyền sử dụng đất và tài sản khác gắn liền với đất, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BĐ 263094, tại thửa đất số 216, tờ bản đồ số 141, diện tích sử dụng 1.194,2m², trong đó có 400m² đất ở tại nông thôn và 794,2m² đất trồng cây lâu năm. Do UBND huyện K, tỉnh Đắk Lắk cấp ngày 01/11/2013 mang tên bà Nguyễn Thị L. Địa chỉ thửa đất: Tại thôn 7, xã V, huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

- **Về án phí:** Áp dụng Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 26, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc bà Nguyễn Thị L phải chịu 11.053.000 đồng (Mười một triệu không trăm năm mươi ba nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm, theo mức tính: (221.065.000 đồng x 5% = 11.053.000 đồng).

Hoàn trả cho Ngân hàng N số tiền 5.165.000 đồng (Năm triệu một trăm sáu mươi lăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm, mà ông Nguyễn Hoàng Anh là người đã nộp tại chi cục Thi hành án dân sự huyện Krông Pắc theo biên lai thu tạm ứng án phí số AA/2019/0004048, ngày 02/01/2020.

Nguyên đơn Ngân hàng N, người được ủy quyền lại tham gia tố tụng của nguyên đơn Ngân hàng N là ông Trần Đình C được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn bà Nguyễn Thị L (Vắng mặt) được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

“Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật thi hành án dân sự”.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Lắk
- VKSND tỉnh Đắk Lắk
- VKSND huyện Krông Pắc
- Chi cục THADS huyện Krông Pắc
- Các đương sự
- Lưu hồ sơ, VP.

(Đã ký)

Phạm Hồng Trường